

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HOÀ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 23-6-2023
*V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Thọ

Ông Vũ Thành Dũng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Chính

- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Trần Thị D**, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi

Bị đơn: **Anh Nguyễn Tiến H**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu 2 xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Chị D, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị D là nguyên đơn trình bày:

Tôi kết hôn với anh Nguyễn Tiến H vào ngày 07 tháng 5 năm 2020, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng cùng lao động tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan

điểm sống, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu TAND huyện Hạ Hòa giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tiến H.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 02/7/2020, hiện cháu đang ở với tôi. Ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Tôi xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại văn bản đề ngày 10/6/2023, anh Nguyễn Tiến H trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị D vào ngày 07 tháng 5 năm 2020, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng cùng lao động tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và do khó khăn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị D xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 02/7/2020, hiện cháu đang ở với chị D và ông bà ngoại. Ly hôn, anh đồng ý chị D sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, anh sẽ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh đang lao động tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh, vì đường xá xa xôi không có điều kiện để về Tòa án làm việc được, anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn của chị D, anh H xin được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ hợp lệ. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Đề nghị HĐXX xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn cho chị Trần Thị D và anh Nguyễn Tiến H.

-Về con chung: Giao chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 02/7/2020 kể từ tháng 07/2023 cho đến khi cháu Y thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu. Chị D, anh H đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

-Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: chị D, anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, không đặt ra giải quyết.

-Về án phí LHST: Chị D phải nộp 75.000đ, anh H phải nộp 75.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập làm việc và thông báo cho anh Nguyễn Tiến H tham gia buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, anh H không có mặt tại Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, anh H đã có văn bản gửi về TAND huyện Hạ Hòa trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị D và xin được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Chị D đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải quy định tại khoản 4 điều 207 của BLTTDS. Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 – BLTTDS, Tòa án xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Tiến H kết hôn ngày 7/5/2020 hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng cùng lao động tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị D và anh H đều công nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, kinh tế khó khăn nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị D và anh H đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị D xin ly hôn, anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Việc chị D và anh H thuận tình ly hôn phù hợp với điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần công nhận.

[3] Về con chung: Xác định chị D và anh H có một con chung là cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 02/7/2020, hiện cháu đang ở với chị D. Ly hôn, chị D xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, anh H có quan điểm cũng nhất trí để chị D trực

tiếp nuôi dưỡng con chung, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do chị D không yêu cầu cấp dưỡng, nên anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, sau ly hôn cần giao chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Y kể từ tháng 07/2023 cho đến khi cháu Y thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị D, anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí LHST: Chị D phải nộp 75.000đ, anh H phải nộp 75.000đ. Hoàn trả cho chị D số tiền 225.000đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 51, điều 55, 57, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 4 điều 207; khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1-Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn cho chị Trần Thị D và anh Nguyễn Tiến H.

2-Về con chung: Xử: Giao chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 02/7/2020 kể từ tháng 07/2023 cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

Chị D, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị D và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc anh H thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3- Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị D, anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

4-Về án phí LHST: Chị Trần Thị D phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa theo biên lai thu tiền số AA/2020/0005300 ngày 22/5/2023.

Hoàn trả cho chị Trần Thị D số tiền 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Tiến H phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chị D, anh H có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã H, H. N, tỉnh Q;
- CCTHADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS – VP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc